

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **239/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 30/8/2024

*“Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa
Chị Trần Thị T và anh Trương Văn T”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Phương.

2. Bà Ma Thị Như Trang.

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Thu Hoài - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm theo hình thức số hoá, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 65/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 34/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Làng Phan, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Làng Phan, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên toà; anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai chị Trần Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh Trương Văn T có quan hệ vợ chồng hợp pháp, anh chị tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn đúng quy định tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, ngày 22/11/2019. Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống tại thôn Làng Phan, xã H, huyện H. Thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2022 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng

không thể hàn gắn được, chị không còn tình cảm với anh T, chị đề nghị Toà án cho chị được ly hôn với anh Trương Văn T.

Về con chung: Chị Trần Thị T xác định, chị và anh Trương Văn T có 01 con chung, cháu Trương Quang M, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2020. Chị đề nghị khi ly hôn chị là người trực tiếp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và không ngăn cản anh T thăm nom con chung.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Chị Trần Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án anh Trương Văn T không đến Tòa án để làm việc, Tòa án tiến hành xác minh, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định.

Kết quả xác minh qua xác minh tại thôn Làng Phan, xã H, huyện H nơi Chị T và anh T cư trú, ông Lý Văn S, Trưởng thôn cung cấp nội dung thông tin: Chị Trần Thị T và anh Trương Văn T là công dân cư trú tại thôn, anh chị có quan hệ hôn nhân hợp pháp, kết hôn năm 2019. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại địa phương, đến khoảng giữa năm 2022 thì thấy vợ chồng có mâu thuẫn gay gắt và sống ly thân. Chị T và anh T có 01 con chung, cháu Trương Quang M, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2020, từ khi anh chị sống ly thân con chung của anh chị do Chị T nuôi dưỡng, ở cùng Chị T. Chị T và anh T có nhà ở thôn, anh chị đi làm ăn nhờ chị gái Chị T trông coi giúp; anh chị không có vay nợ chung. Ông Sóc xác nhận anh T hiện nay đi làm ăn, ngày nghỉ có về nhà thăm con.

Kết quả xác minh đối với chị Trần Thị L, chị gái ruột của Chị T, chị L cung cấp nội dung thông tin: Chị T và anh T là vợ chồng, anh chị chung sống có mâu thuẫn, đến năm 2022 thì vợ chồng sống ly thân. Anh T và Chị T hiện nay đều đi làm công ty, cháu Trương Quang M là con chung của anh T và Chị T, Chị T nhờ chị L trông nom hộ những hôm đi làm, chị L ở nhờ nhà của Chị T và anh T, đồng thời trông nom cháu M hộ Chị T và trông nhà. Chị L xác định anh T ngày nghỉ vẫn về nhà thăm con, những lúc anh T về Chị T lại vào nhà chị L, vợ chồng không nói chuyện với nhau. Tòa án gửi các văn bản tố tụng chị L đều nhận hộ và ngày nghỉ anh T Chị T về thì đưa lại, nhưng anh T có nói bận đi làm không về được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trương Văn T. Giao cháu Trương Quang M, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2020 cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị T chưa có yêu cầu; anh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị giải quyết, nên đề nghị không xem xét giải quyết. Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Trương Văn T không phải nộp án phí; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Trần Thị T và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trương Văn T tự nguyện kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, ngày 22 tháng 11 năm 2019. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không có sự gắn kết, mâu thuẫn không thể hoà giải được. Quan hệ hôn nhân giữa Chị T và anh T không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không tồn tại gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T, xử cho Chị T được ly hôn với anh Trương Văn T.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Trương Văn T có 01 con chung, cháu Trương Quang M, sinh ngày 20 tháng 6 năm 2020. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn cháu M chủ yếu do Chị T chăm sóc, lúc Chị T đi làm thì gửi chị gái của Chị T trông nom hộ. Quá trình giải quyết vụ án, anh T biết việc Chị T nộp đơn xin ly hôn nhưng không đến Tòa án để làm việc, trình bày ý kiến về việc giải quyết nuôi con chung; cháu M còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ, Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Nên giao cháu Trương Quang M, là con chung của Chị T và anh T cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng khi vợ chồng ly hôn là phù hợp.

[3] Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị Trần Thị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung; không có vay nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về việc vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trương Văn T không đến Tòa án để làm việc theo giấy báo gọi, anh T có biết việc Chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, có biết việc Tòa án gửi giấy báo gọi (căn cứ ý kiến trình bày của chị Trần Thị T và thực tế địa phương xác nhận anh T vẫn thường

xuyên về nhà thăm con), Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung của Chị T và anh T, cũng như đã gửi, niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Việc anh T không đến Tòa án để làm việc thể hiện ý thức không tuân thủ các quy định của pháp luật, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự. Tòa án giải quyết vụ án trong trường hợp vắng mặt một bên đương sự theo quy định.

Chị Trần Thị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, việc Chị T xin vắng mặt là quyền được pháp luật quy định.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị T đã nộp. Anh Trương Văn T không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trương Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 59 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, cấp ngày 22 tháng 11 năm 2019 cho chị Trần Thị T và anh Trương Văn T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Quang M, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2020 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom, chăm sóc. Anh Trương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị T chưa có yêu cầu. Anh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn theo quy định.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000566 ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H (nộp qua Công dịch vụ công Quốc gia ngày 01 tháng 4 năm 2024). Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Trương Văn T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T và anh Trương Văn T vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã H (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đàm Thị Kim Duyên - Trần Thị Vân Anh

Lương Thanh Huyền

